

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ BUÔN MA THUẬT
TỈNH ĐẮK LẮK**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 78/2018/HNGĐ-ST

Ngày: 11/7/2018

“V/v Không công nhận là vợ chồng”

NHÂN DANH

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ BUÔN MA THUẬT, TỈNH ĐẮK LẮK**

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có

- *Thẩm phán* – Chủ tọa phiên tòa: Ông Phạm Văn Vĩ.
- *Các Hội thẩm nhân dân:*

1. Ông Hoàng Viết Oanh

2. Bà Nguyễn Thị Tú Oanh.

- *Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa:* Bà Lê Nguyệt Ánh – Thư ký Tòa án.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột:* Không tham gia phiên tòa.

Ngày 11 tháng 7 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 256/2018/TLST-HNGĐ ngày 09/4/2018 về việc “ Không công nhận là vợ chồng” theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số : 81/2016/QĐXX-ST ngày 26 tháng 6 năm 2018; giữa các đương sự:

- **Nguyên đơn:** Ông Nguyễn Văn Y-SN: 1966(Có mặt)

Địa chỉ: 111 H, phường T, TP. B, tỉnh Đắk Lắk

- **Bị đơn:** Bà Nguyễn Thị H-SN: 1967(Có đơn xin xét xử vắng mặt)

Địa chỉ: 166/17 N, phường T, TP. B, tỉnh Đắk Lắk.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

*** Theo đơn khởi kiện, tại các bản tự khai và tại phiên tòa nguyên đơn ông Nguyễn Văn Y trình bày:**

- **Về quan hệ hôn nhân:** Ông và bà Nguyễn Thị H đến với nhau trên cơ sở tình yêu tự nguyện không ai bị ép buộc không tổ chức lễ cưới và chung sống với nhau như vợ chồng từ năm 1989 nhưng không đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật tại cơ quan có thẩm quyền.

Quá trình sống chung hạnh phúc thì đến năm 2017 thì bắt đầu xảy ra mâu thuẫn. Nguyên nhân dẫn đến mâu thuẫn là giữa ông và bà Nguyễn Thị H không tin

tưởng lẫn nhau, nên bất đồng quan điểm hay cãi vã nhau, nặng lời xúc phạm đến nhau, nên tôi đã bỏ ra ngoài sinh sống, từ đó ông và bà Nguyễn Thị H sống ly thân, giữa hai người không còn quan tâm chăm sóc gì đến nhau. Ông xác định tình cảm vợ chồng là không còn, nay mục đích hôn nhân không đạt được, không thể tiếp tục chung sống với nhau được. Ông yêu cầu Tòa án cho được không công nhận là vợ chồng với bà Nguyễn Thị H.

-Về con chung: Ông Nguyễn Văn Y và bà Nguyễn Thị H có 03 con chung:

1.Cháu Nguyễn Thị Thùy D; sinh năm 1990.

2.Cháu Nguyễn Quỳnh G; sinh năm 1992.

3.Cháu Nguyễn Duy Đ; sinh năm 1997.

Hiện các cháu đã đủ tuổi trưởng thành nên không đề cập giải quyết.

-Về tài sản chung: Ông và bà Nguyễn Thị H trong thời gian chung sống có tạo lập được các tài sản chung: Tuy nhiên sau khi ly hôn ông sẽ để lại toàn bộ các tài sản trên cho bà Nguyễn Thị H và con trai. Do vậy về tài sản chung ông và bà Nguyễn Thị H tự thỏa thuận nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

-Về nợ chung: Ông Nguyễn Văn Y và bà Nguyễn Thị H không có nợ ai.

Tại bản tự khai và biên bản hòa giải bị đơn bà Nguyễn Thị H trình bày:(BL số 25).

Bà và ông Nguyễn Văn Y đến với nhau trên cơ sở tình yêu tự nguyện không ai bị ép buộc và chung sống với nhau từ năm 1989 nhưng từ đó đến nay không có đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật tại cơ quan có thẩm quyền.

Quá trình sống chung vợ chồng hạnh phúc thì đến năm 2017 thì bắt đầu xảy ra mâu thuẫn. Nguyên nhân dẫn đến mâu thuẫn là không tin tưởng lẫn nhau, ông Nguyễn Văn Y đã đi chung sống với người phụ nữ khác nên bất đồng quan điểm hay cãi vã nhau, nặng lời xúc phạm đến nhau, ông Nguyễn Văn Y đã bỏ ra ngoài sinh sống từ cuối năm 2017 từ đó bà và ông Nguyễn Văn Y sống ly thân và không còn quan tâm chăm sóc gì đến nhau. Bà Hồng xác định tình cảm vợ chồng là không còn, nay mục đích hôn nhân không đạt được, không thể tiếp tục chung sống với nhau được. Bà Nguyễn Thị H đồng ý không công nhận là vợ chồng với ông Nguyễn Văn Y.

-Về con chung: Bà Nguyễn Thị H và ông Nguyễn Văn Y có 03 con chung:

1.Cháu Nguyễn Thị Thùy D; sinh năm 1990.

2.Cháu Nguyễn Quỳnh G; sinh năm 1992.

3.Cháu Nguyễn Duy Đ; sinh năm 1997.

Hiện các cháu đã đủ tuổi trưởng thành nên không đề cập giải quyết.

-Về tài sản chung: Tôi và ông Nguyễn Văn Y trong thời gian chung sống có tạo lập được một số tài sản chung: Bà Nguyễn Thị H và ông Nguyễn Văn Y sẽ tự thỏa thuận nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

-Về nợ chung: Bà Nguyễn Thị H và ông Nguyễn Văn Y không có nợ ai.

Tại phiên tòa ngày hôm nay ông Nguyễn Văn Y vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả thẩm vấn tại phiên tòa, Hội đồng xét xử xét thấy:

*** Về thủ tục tố tụng:** Tranh chấp giữa nguyên đơn ông Nguyễn Văn Y và bị đơn bà Nguyễn Thị H là tranh chấp về hôn nhân và gia đình được quy định tại khoản 8 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự thuộc thẩm quyền Tòa án giải quyết.

Quá trình giải quyết vụ án bị đơn bà Nguyễn Thị H có đơn xin xét xử vắng mặt tại Tòa án (BL số 29). Căn cứ khoản 1 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự Tòa án vẫn tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn theo quy định pháp luật.

*** Về quan hệ hôn nhân:** Giữa nguyên đơn ông Nguyễn Văn Y và bị đơn bà Nguyễn Thị H chung sống với nhau từ năm 1989 mặc dù tại thời điểm chung sống hai bên đều có đủ điều kiện đăng ký kết hôn nhưng không thực hiện đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật là vi phạm Điều 9 Luật hôn nhân và gia đình. Nên xác định đây là quan hệ hôn nhân không hợp pháp, không được pháp luật công nhận. Xét yêu cầu của ông Nguyễn Văn Y đề nghị Tòa án không công nhận là vợ chồng là vợ chồng là phù hợp với quy định của pháp luật vì vợ chồng có nhiều mâu thuẫn không thể hàn gắn, cuộc sống chung giữa ông Nguyễn Văn Y và bà Nguyễn Thị H không còn nữa nên không thể tiếp tục duy trì. Do đó, căn cứ quy định tại điểm b, khoản 3, Nghị quyết số 35/2000/QH10 ngày 09/6/2000 của Quốc hội, Hội đồng xét xử xét thấy cần tuyên bố không công nhận quan hệ vợ chồng giữa ông Nguyễn Văn Y và bà Nguyễn Thị H.

- Về con chung: Ông Nguyễn Văn Y và bà Nguyễn Thị H có 03 con chung:

1. Cháu Nguyễn Thị Thùy D; sinh năm 1990.

2. Cháu Nguyễn Quỳnh G; sinh năm 1992.

3. Cháu Nguyễn Duy Đ; sinh năm 1997.

Hiện các cháu đã đủ tuổi trưởng thành nên không đề cập giải quyết.

- Về tài sản chung, nợ chung: Ông Nguyễn Văn Y và bà Nguyễn Thị H tự thỏa thuận nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về án phí: Ông Nguyễn Văn Y phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ khoản 8, Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 146, Điều 203, khoản 1 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Căn cứ điểm b khoản 3 Nghị quyết số 35/2000/QH10 ngày 09/6/2000 của Quốc hội;

Áp dụng Điều 8, Điều 9, Điều 14, Điều 15, Điều 56, Luật hôn nhân và gia đình; Áp dụng Nghị Quyết số 326/2016/UBTVQH12 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án

Tuyên xử: Chấp nhận đơn khởi kiện của ông Nguyễn Văn Y.

Tuyên bố: Không công nhận quan hệ giữa ông Nguyễn Văn Y và bà Nguyễn Thị H là vợ chồng.

- Về con chung: Ông Nguyễn Văn Y và bà Nguyễn Thị H có 03 con chung:

1. Cháu Nguyễn Thị Thùy D; sinh năm 1990.

2. Cháu Nguyễn Quỳnh G; sinh năm 1992.

3. Cháu Nguyễn Duy Đ; sinh năm 1997.

Hiện các cháu đã đủ tuổi trưởng thành nên không đề cập giải quyết.

- Về tài sản chung, nợ chung: Ông Nguyễn Văn Y và bà Nguyễn Thị H tự thỏa thuận nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm: Ông Nguyễn Văn Y phải nộp 300.000 đồng án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm. Được khấu trừ 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí mà ông Nguyễn Văn Y đã nộp tại Chi cục thi hành án dân sự thành phố Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk theo biên lai thu số 0003497 ngày 04 tháng 4 năm 2018.

Nguyên đơn có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Bị đơn vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết bản án hợp lệ.

T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

(Đã ký)

Nơi nhận:

- TAND Tỉnh Đắk Lắk;
- VKSND Tỉnh Đắk Lắk;
- VKSND Tp. Buôn Ma Thuột;
- CCTHADS Tp. Buôn Ma Thuột;
- UBND P. Thành Công
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ, VP.

Phạm Văn Vĩ